

Số : 125/QĐ- ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2015-2016
cho sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ công văn số 2029/ĐHQG-HCM ngày 30/1/2007 của ĐHQG TP.HCM, hướng dẫn việc thực hiện chế độ HB-TCXH-MGHP cho các Trường thành viên, Khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 1243/QĐ-ĐHKTL ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập hội đồng xét trợ cấp xã hội HK II năm học 2015 – 2016;

Theo kết luận của Hội đồng xét trợ cấp xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh sách sinh viên hệ đại học hệ chính quy được hưởng trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2015 - 2016 như sau:

- | | |
|-------------------------------------|--------------|
| - Người dân tộc ít người ở vùng cao | 80 Sinh viên |
| - Mồ côi cả cha lẫn mẹ | 02 Sinh viên |
| - Tàn tật (Theo Nghị định số 81/CP) | 02 Sinh viên |
| - Sinh viên thuộc diện hộ nghèo | 18 Sinh viên |

Tổng cộng: **102 Sinh viên**

(Danh sách Sinh viên và mức được trợ cấp xã hội kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, Bộ phận, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG 
Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2015 - 2016**

(Theo Quyết định số: 1255 ngày 23 tháng 12 năm 2016)

STT	MSSV	HỌ	TÊN	MÃ ĐỐI TƯỢNG	ĐỐI TƯỢNG	TC/THÁNG	6 THÁNG/HK	GHI CHÚ
1	K124020154	HUỲNH VŨ	HẢI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
2	K124020228	HỨA HOÀNG	THỊ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
3	K124020289	HOÀNG MỸ	DUNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
4	K124040547	SƠN THỊ NGỌC	CHÂU	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
5	K124040561	THẨM HOÀNG	GIA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
6	K124040610	THẠCH THỊ HƯƠNG	NGUYỆT	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
7	K124040645	ĐÀNG THỊ NHƯ	THOẠI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
8	K124040740	TÔ PHƯƠNG	LAN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
9	K124040767	ĐÌNH THỊ HỒNG	NHUNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
10	K124040777	THẠCH THỊ TRÚC	PHƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
11	K124040787	LƯU NỮ KIM	SANG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
12	K124050885	VOÔNG MỸ	NGA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
13	K124050916	BAN THỊ	THẢO	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
14	K124071166	VI THANH	SƠN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
15	K124071201	HOÀNG VŨ	TÙNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
16	K124071271	LÊ THỊ	LÝ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
17	K124071317	NGUYỄN HỒNG NGỌC	THẨM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
18	K124081439	ĐÌNH THỊ HỒNG	THẨM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
19	K125011713	HOÀNG THỊ	QUYẾN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
20	K125011714	VÕ CHÂU	QUYẾT	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
21	K125031897	NAY THÙY	DUNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
22	K125031981	PHÙNG THỊ	THƯ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	

23	K125042047	SIU	H'NGAO	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
24	K134020139	TRẦN QUỐC	HUY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
25	K134020179	BÙI THỊ ÁI	NHI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
26	K134020210	NÔNG THỊ THANH	THƯ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
27	K134020214	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
28	K134020227	LỤC TỐ	THIÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
29	K134020230	NÔNG THỊ	THỦY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
30	K134020250	SÂM LÊ HOÀNG	TRÚC	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
31	K134020255	VÒNG MỸ	VÂN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
32	K134020268	LENG HOÀNG BẢO	YÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
33	K134030315	HỨA THỊ	LỢI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
34	K134030361	HOÀNG ĐỨC	VƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
35	K134040442	LƯU HOÀNG NGỌC	LIÊU	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
36	K134040474	KẢ	NHỤI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
37	K134050595	TRẦN THỊ MỸ	PHƯỢNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
38	K134070772	BÙI THỊ TRÚC	ĐÀO	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
39	K134070782	TRƯƠNG VĂN	HẢI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
40	K134070799	HOÀNG LÊ THANH	HUYỀN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
41	K134070902	HÀ THỊ	THU	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
42	K134070903	LƯU THỊ	THUẬN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
43	K134080973	K'	NGHIÊM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
44	K134080974	HOÀNG THỊ MỸ	NGUYỆT	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
45	K134091080	ĐÌNH THỊ HỒNG	LIÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
46	K134091094	ĐỒNG THỊ TUYẾT	NGHI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
47	K134091101	LƯƠNG THỊ KIỀU	OANH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
48	K134091130	NAY	THỦY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
49	K135031697	LÊ THÙY	DƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	

50	K144021966	MA THỊ	HƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
51	K144081960	NGUYỄN THỊ	HÀ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
52	K144091961	HOÀNG THỊ THU	HẮNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
53	K145011595	SÂM THỊ MAI	TRANG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
54	K145011965	LỮ THỊ DƯƠNG	HƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
55	K145011967	NGUYỄN ĐÌNH	KHƯƠNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
56	K145011972	NÔNG THỊ	SẦY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
57	K154020175	TRẦN THỊ	VÂN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
58	K154021510	HÀ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
59	K154051512	H YÔM BUÔN	KRÔNG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
60	K154051513	HOÀNG THỊ NGỌC	MAI	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
61	K154051514	PHẠM THỊ	THỦY	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
62	K154070654	LÒ THỊ KIM	NGÂN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
63	K154090892	TỪ THỊ	LIÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
64	K154091522	MÔNG THỊ	CHINH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
65	K155011173	THIÊN THỊ BÍCH	NHA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
66	K155011529	ĐÌNH THỊ MINH	HIẾU	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
67	K155011541	H' YULY BUÔN	YÃ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
68	K155011542	HÁN THỊ MỸ	YÊN	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
69	K155031396	H LỊCH	NIÊ	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
70	K155031545	LANG THỊ LAN	ANH	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
71	K155031548	RCOM	H'DRIM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
72	K155031549	NAY H'	KHUYA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
73	K155031551	RAH LAN H' LY	LA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
74	K155031553	ĐÀM THỊ HẮNG	NGA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
75	K155031554	NÔNG THỊ	NGA	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
76	K155031555	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	

77	K155031556	HOÀNG THỊ	TÂM	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
78	K155031558	LỮ THỊ	TIỆP	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
79	K155031559	ĐÀNG THỊ KIM	TRANG	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
80	K155031560	NÔNG THỊ	TUYẾT	TCXH-DT-01	Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao	140,000	840,000	
81	K144060753	TRẦN HIỆP	HÒA	TCXH-DT-02	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100,000	600,000	
82	K154100980	NGÔ NGỌC	ANH	TCXH-DT-02	Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	100,000	600,000	
83	K125012142	HÀ QUANG	VINH	TCXH-DT-03	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995	100,000	600,000	
84	K144060744	LÊ HỒNG PHƯƠNG	HẠ	TCXH-DT-03	Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995	100,000	600,000	
85	K134040367	NGUYỄN TRẦN HOÀI	AN	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
86	K135011238	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	PHÚ	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
87	K135021346	LÊ THỊ TRÀ	MY	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
88	K135021394	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
89	K135021400	NGUYỄN THỊ	THU	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
90	K135031477	KIM THỊ THÚY	LAM	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
91	K144010100	PHẠM XUÂN	TÌNH	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
92	K144070969	NGUYỄN THỊ MỸ	QUÍ	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
93	K144091243	NGUYỄN TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
94	K144091256	HUỶNH THỊ KIM	THẢO	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
95	K145031785	BÁ THỊ	ĐAN	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
96	K145031839	NGUYỄN TRẦN BÍCH	PHƯỢNG	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	
97	K145031848	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIÊN	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH)	100,000	600,000	

98	K145041911	BÙI NHƯ NGỌC	NHI	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH)	100,000	600,000	
99	K145041933	TRƯƠNG HẰNG BÍCH	THUẬN	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH)	100,000	600,000	
100	K154020167	LÊ QUANG	TRUNG	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH)	100,000	600,000	
101	K154050528	LƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH)	100,000	600,000	
102	K155021240	HUỲNH CAO NỮ	HOÀNG	TCXH-DT-04	Sinh viên thuộc diện hộ nghèo (Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH)	100,000	600,000	
							80,400,000	

Tổng cộng:

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bùi Hoàng Mol

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

Nguyễn Thị Thu Trang

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KH - TC

Lưu Văn Lập

